

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG - PHỤ CẤP
Tháng 12 năm 2025

TT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương hệ số													Thành tiền	BHXH trả thay lương		Các khoản khấu trừ				Thực trả CBCNV	
			HS Lương	HS chênh lệch bảo lưu	Lương HD	PC CV	PC KV	PC TN VK		PCTN nghề		PC ưu đãi nghề 50%	PC độc hại	PC trách nhiệm	Cộng HS		BHXH không chi trả 25%	BHXH chi trả 75%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	1% BHTN	Cộng BH		
								Tỷ lệ % TN VK	PC TN VK	Tỷ lệ % PC TNN	PC TNN													
1	Lê Thị Nga	H trưởng	5,02			0,5	0,5				24%	1,325	2,76			10,10	23.645.232			1.281.347	240.252	160.168	1.681.767	21.963.464,64
2	Nguyễn Thanh Bình	Giáo viên	5,36				0,5				32%	1,715	2,68			10,26	23.997.168			1.324.477	248.340	165.560	1.738.377	22.258.791,36
3	Cao Thị Dung	Giáo viên	4,98	0,16			0,5	5%	0,25	36%	1,882	2,61			10,39	24.303.100			1.361.214	255.228	170.152	1.786.593	22.516.506,79	
4	Lê Thị Hồng	Giáo viên	5,36				0,5				33%	1,769	2,68			10,31	24.122.592			1.334.511	250.221	166.814	1.751.546	22.371.045,84
5	Lê Thị Thanh Huệ	Giáo viên	5,36				0,5				28%	1,501	2,68			10,04	23.495.472			1.284.342	240.814	160.543	1.685.699	21.809.773,44
6	Tông Thi Sớm	Giáo viên	4,98				0,5	5%	0,25	29%	1,516	2,61			9,86	23.072.189			1.262.741	236.764	157.843	1.657.347	21.414.842,16	
7	Hoàng Tiểu Oanh	Giáo viên	4,98				0,5	7%	0,35	29%	1,545	2,66			10,04	23.489.374			1.286.793	241.274	160.849	1.688.916	21.800.458,20	
8	Nguyễn T Thanh Huyền	Giáo viên	4,98				0,5	5%	0,25	27%	1,412	2,61			9,76	22.827.472			1.243.163	233.093	155.395	1.631.652	21.195.820,27	
9	Trần Thị Ngọc Hối	Tổ trưởng	4,98			0,2	0,5	5%	0,25	27%	1,466	2,71			10,11	23.655.832			1.290.712	242.009	161.339	1.694.060	21.961.772,47	
10	Nguyễn Thị Bình	Giáo viên	4,98				0,5				27%	1,345	2,49			9,31	21.796.164			1.183.965	221.993	147.996	1.553.954	20.242.209,78
11	Nguyễn Hoài Giang	Giáo viên	4,98				0,5				26%	1,295	2,49			9,26	21.679.632			1.174.643	220.245	146.830	1.541.718	20.137.913,64
12	Phạm T Như Thủy	Giáo viên	5,02				0,5				25%	1,255	2,51			9,29	21.726.900			1.174.680	220.253	146.835	1.541.768	20.185.132,50
13	Phạm T Thu Hương	Tổ phó	5,02			0,15	0,5				24%	1,241	2,59			9,50	22.220.172			1.200.102	225.019	150.013	1.575.134	20.645.038,44
14	Lê Lê Hằng	Giáo viên	4,68				0,5				26%	1,217	2,34			8,74	20.444.112			1.103.881	206.978	137.985	1.448.844	18.995.268,24
15	Phạm Thị Tâm	Tổ phó	4,68			0,15	0,5				22%	1,063	2,42			8,81	20.609.784			1.103.095	206.830	137.887	1.447.812	19.161.972,18
16	Lê Thị Thu Hà	Giáo viên	4,68				0,5				22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215,28
17	Đoàn Thị Chi	Giáo viên	4,68				0,5				24%	1,123	2,34			8,64	20.225.088			1.086.359	203.692	135.795	1.425.846	18.799.241,76
18	Lưu Thị Tuyết	Giáo viên	4,68			0,15	0,5				24%	1,159	2,42			8,90	20.835.828			1.121.178	210.221	140.147	1.471.546	19.364.281,56
19	Nguyễn Thị Vân	Giáo viên	4,68				0,5				22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215,28
20	Nguyễn Thị Ca	Giáo viên	4,68				0,5				19%	0,889	2,34			8,41	19.677.528			1.042.554	195.479	130.319	1.368.352	18.309.175,56
21	Nguyễn T Kim Anh	Hiệu phó	4,68			0,4	0,5				22%	1,118	2,54			9,24	21.615.984			1.160.191	217.536	145.024	1.522.750	20.093.233,68
22	Phạm Thị Thu Hằng	Tổ trưởng	4,68			0,2	0,5				22%	1,074	2,44			8,89	20.811.024			1.114.514	208.971	139.314	1.462.800	19.348.224,48
23	Nguyễn Quỳnh Giang	Giáo viên	4,00				0,5				18%	0,720	2,00			7,22	16.894.800			883.584	165.672	110.448	1.159.704	15.735.096,00
24	Trần Thị Định	Giáo viên	3,99				0,5				22%	0,878	2,00			7,36	17.228.952			911.252	170.860	113.907	1.196.018	16.032.933,54
25	Vũ Hương Giang	Tổ phó	4,34				0,5				20%	0,868	2,17			7,88	18.434.520			974.938	182.801	121.867	1.279.606	17.154.914,40
26	Nguyễn T Bình Minh	Tổ phó	4,00				0,5				21%	0,840	2,00			7,34	17.175.600			906.048	169.884	113.256	1.189.188	15.986.412,00
27	Lê Thị Xuân	Giáo viên	4,00				0,5				14%	0,560	2,00			7,06	16.520.400			853.632	160.056	106.704	1.120.392	15.400.008,00
28	Nguyễn T Minh Huệ	Tổ trưởng	4,00			0,20	0,5				15%	0,630	2,10			7,43	17.386.200			904.176	169.533	113.022	1.186.731	16.199.469,00
29	Phạm T Ngọc Quỳnh	Giáo viên	4,34				0,5				17%	0,738	2,17			7,75	18.129.852			950.564	178.231	118.821	1.247.615	16.882.236,54
30	Lương Hồng Yến	Giáo viên	4,34				0,5				22%	0,955	2,17			7,96	18.637.632			991.187	185.847	123.898	1.300.932	17.336.699,64
31	Vũ Thị Tuyết	Giáo viên	4,34				0,5				22%	0,955	2,17			7,96	18.637.632			991.187	185.847	123.898	1.300.932	17.336.699,64

32	Trần Thị Hạnh	Tổ trưởng	4,34			0,2	0,5			21%	0,953	2,27			8,26	19.336.356			1.028.364	192.818	128.546	1.349.728	17.986.627,62
33	Đặng Thị Lua	Giáo viên	4,34				0,5			21%	0,911	2,17			7,92	18.536.076			983.062	184.324	122.883	1.290.269	17.245.807,02
34	Nguyễn Trung Dũng	Giáo viên	4,34				0,5			21%	0,911	2,17			7,92	18.536.076			983.062	184.324	122.883	1.290.269	17.245.807,02
35	Nguyễn Thị Lành	Giáo viên	3,66				0,5			14%	0,512	1,83			6,50	15.215.616			781.073	146.451	97.634	1.025.159	14.190.457,32
36	Nguyễn T Mỹ Hương	Hiệu phó	5,36			0,4	0,5			25%	1,440	2,88			10,58	24.757.200			1.347.840	252.720	168.480	1.769.040	22.988.160,00
37	Trương Minh Ngọc	Giáo viên	3,33				0,5			9%	0,300	1,67			5,79	13.559.598			679.480	127.402	84.935	891.817	12.667.780,71
38	Tạ Thị Lan	Giáo viên	3,33				0,5			10%	0,333	1,67			5,83	13.637.520			685.714	128.571	85.714	899.999	12.737.520,90
39	Lô Văn Thanh	Giáo viên	4,00				0,5			14%	0,560	2,00			7,06	16.520.400			853.632	160.056	106.704	1.120.392	15.400.008,00
40	Phạm Tuấn Tài	Giáo viên	3,66				0,5			14%	0,512	1,83			6,50	15.215.616			781.073	146.451	97.634	1.025.159	14.190.457,32
41	Hoàng T Hồng Hạnh	Giáo viên	3,99				0,5			14%	0,559	2,00			7,04	16.482.024			851.498	159.656	106.437	1.117.591	15.364.432,98
42	Vì Thị Thao	Giáo viên	3,99				0,5			14%	0,559	2,00			7,04	16.482.024			851.498	159.656	106.437	1.117.591	15.364.432,98
43	Đặng Thu Hằng	Tổ phó	3,66			0,15	0,5			14%	0,533	1,91			6,75	15.791.256			813.084	152.453	101.636	1.067.173	14.724.082,62
44	Nguyễn Thị Huyền	Giáo viên	3,33				0,5			13%	0,433	1,67		0,3	6,23	14.573.286			704.415	132.078	88.052	924.545	13.648.741,47
45	Bùi Thị Hằng	Giáo viên	3,66				0,5			15%	0,549	1,83			6,54	15.301.260			787.925	147.736	98.491	1.034.151	14.267.108,70
46	Vũ Thị Tươi	Giáo viên	4,68			0,15	0,5			22%	1,063	2,42			8,81	20.609.784			1.103.095	206.830	137.887	1.447.812	19.161.972,18
47	Nguyễn Thanh Liêm	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215,28
48	Phạm T Phương Dung	Tổ trưởng	3,66			0,2	0,5							0,1	4,46	10.436.400			722.592	135.486	90.324	948.402	9.487.998,00
49	Nguyễn Trọng Quyết	Kế toán	3,33				0,5							0,1	3,93	9.196.200			623.376	116.883	77.922	818.181	8.378.019,00
50	Lê Thị Tuyền	NV thư viện	3,26				0,5						0,2		3,96	9.266.400			610.272	114.426	76.284	800.982	8.465.418,00
51	Đỗ Thị Huế	Y tế	3,06				0,5								3,56	8.330.400			572.832	107.406	71.604	751.842	7.578.558,00
Cộng lương biên chế			223,13	0,16		3,05	25,5		1,34		47,3	107,0	0,2	0,5	408,2	955.097.919	-	-	51.471.427	9.650.893	6.433.928	67.556.248	887.541.671
52	Nguyễn Thị Ngọc	Phục vụ			Nghỉ thai sản																		
53	Đoàn Văn Hai	Bảo vệ			3.860.000											3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
54	Lô Văn La	Bảo vệ			3.860.000											3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
Cộng lương hợp đồng					7.720.000											7.720.000	-	-	617.600	115.800	77.200	810.600	6.909.400
Tổng Cộng			223,13	0,16	7.720.000	3,05	25,5		1,34		47,27	107,01	0,2	0,5	408,2	962.817.919	-	-	52.089.027	9.766.693	6.511.128	68.366.848	894.451.071

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Tám trăm chín mươi tư triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, không trăm bảy mươi một đồng chẵn.

Điện Biên Phủ, ngày ... tháng 12 năm 2025

KÊ TOÁN



Phạm Thị Phương Dung

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HÀ NỘI
- ĐIỆN BIÊN PHỦ

TRƯỞNG
HẠNH TRƯỞNG

Lê Thị Nga